

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10-8-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Nhung

2. Ông Nguyễn Tấn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị PTNL, sinh năm: 19.., (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh T. Tạm trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh NNM, sinh năm: 19.., (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-12-2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị PTNL trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh NNM tự nguyện có tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2010, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T (nay là phường A, thị xã T). Ngày cưới bên chồng có cho số nữ trang, nhưng vợ chồng đã bán để chi phí và trả nợ cho anh M hết. Cưới xong vợ chồng sống chung bên gia đình anh M. Thời gian chung sống đến đầu năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, do anh M cờ bạc thiếu nợ nhiều lần, vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, anh M thường ghen tuông vô cớ, nhiều lần kiểm chuyện cãi vã với chị, hăm dọa đánh chị, cuộc sống không hạnh phúc, từ tháng 9-2019 chị bỏ đi thuê nhà trọ sống cùng mẹ ruột tại Khu công nghiệp T. Thời gian này anh M thường xuyên đến gây chuyện, chửi

mẫn chi, nên tháng 11-2019 chi thuê nhà trọ ở S, xã T, huyện C, tỉnh T sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9-2019. Nay chi xin ly hôn với anh M.

- *Về con chung*: Có 02 con tên NNTV, sinh ngày 30-4-2011 và NNTN, sinh ngày 09-11-2015, hiện chi đang nuôi 02 cháu. Nay chi yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, 02 cháu 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi các cháu trưởng thành tự lao động sinh sống được.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chi không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh NNM trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn là đúng, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ tháng 9-2019, do anh có chơi cờ bạc, nên vợ chồng gây gổ nhau, chị L thường lạnh nhạt với anh, vợ chồng không gần gũi nhau, khi vợ chồng cãi vã gây gổ nhau thì chị L đòi ly hôn, lúc nóng giận anh có hăm dọa chứ không có đánh. Tháng 9-2019 chị L thuê nhà trọ sống cùng mẹ ruột tại Khu công nghiệp TB, anh có đến năn nỉ chị L trở về ở lại, nhưng chị L không đồng ý. Tháng 11-2019 chị L dọn đến huyện C, T thuê nhà trọ để ở. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9-2019. Thời gian này vợ chồng cũng không gặp nhau bàn việc ở lại. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để các con có gia đình đầy đủ cha mẹ.

Về con chung: Có 02 con như chị L khai là đúng, các con đang sống với chị L.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Nếu Tòa án xử cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao hai con cho chị L nuôi, thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, hai cháu 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành tự lao động sinh sống được. Về tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có anh không yêu cầu. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác. Tại toà anh M yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị L, anh M thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh M; về con chung: Giao chị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu NNTV, sinh ngày 30-4-2011 và NNTV, sinh ngày 09-11-2015. Buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, hai cháu 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu V, N trưởng thành và tự lao động sinh sống được; về tài sản chung: Anh chị không yêu

cầu, nên không giải quyết; về nợ chung: Anh chị khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị L xin ly hôn với anh M, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị L, anh M tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị L là do anh M cờ bạc thiếu nợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau, anh M hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần kiểm chuyện cãi vã, hăm dọa đánh chị, nên tháng 9-2019 chị bỏ đi và xin ly hôn. Theo anh M từ tháng 8-2019, anh có chơi cờ bạc, chị L không gần gũi, mà lạnh nhạt với anh, khi vợ chồng cãi vã, gây gổ nhau thì chị L đòi ly hôn, lúc nóng giận anh có hăm dọa chứ không có đánh. Tháng 9-2019 chị L thuê nhà trọ sống tại Khu công nghiệp TB, sau đó chị L dọn đến huyện CT, TN ở, vợ chồng ly thân từ tháng 9-2019. Nay anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng cho các con có cha và mẹ.

Xét thấy, do anh chị không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, anh M hay ghen tuông, kiểm chuyện cãi vã với chị L, anh còn hăm dọa làm cho chị L bị tổn thương mất lòng tin với anh, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị L bỏ nhà đi. Thời gian ly thân không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 02 con tên NNTV, sinh ngày 30-4-2011 và NNTN, sinh ngày 09-11-2015, cả hai anh chị đều có yêu cầu nuôi con. Xét thấy, hai cháu đều là nữ, còn nhỏ, cháu TV có nguyện vọng muốn sống với mẹ, thời gian ly thân chị L đã nuôi dưỡng các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và đảm bảo về sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của các bé gái, nghĩ nên giao cho chị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu. Buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, hai cháu 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có lực pháp luật cho đến khi các cháu V, N trưởng thành và tự lao động sinh sống được là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Chị L, anh M không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Anh chị khai không có, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị L chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, anh M chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH

ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị PTNM đối với anh NNM. Chị L được ly hôn với anh M.

2. *Về con chung:* Giao chị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu NNTV, sinh ngày 30-4-2011 và NNTV, sinh ngày 09-11-2015. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, hai cháu 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có lực pháp luật cho đến khi các cháu V, N trưởng thành và tự lao động sinh sống được.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. *Về tài sản chung:* Anh chị không yêu cầu, nên không giải quyết;

4. *Về nợ chung:* Anh chị khai không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị L chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo Biên lai thu số 0017928 ngày 14-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị L đã nộp đủ tiền án phí. Anh M chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An

